



THÙNG XE TẢI BẢO ÔN

INSULATED TRUCK BODY

ISUZU QKR SERIES



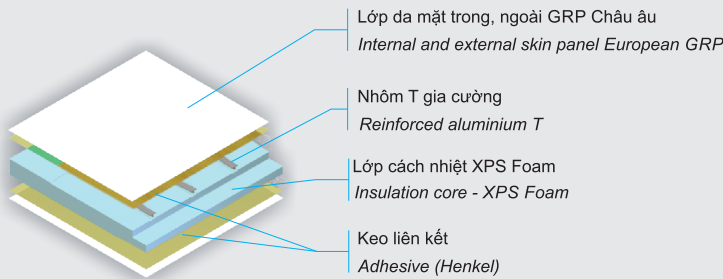
www.quyenauto.com

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

THÔNG TIN CHUNG / GENERAL	DVT / UNIT	QLR	QLR	QMR	QMR
Loại xe / Vehicle type		Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck	Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck	Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck	Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck
Nhãn hiệu / Mark, model code		ISUZU QKR QLR77FE5 (B) -QA.BO	ISUZU QKR QLR77FE5 (B) -QA.BO (OXY)	ISUZU QKR QMR77HE5 (A) -QA.BO	ISUZU QKR QMR77HE5 (A) -QA.BO (OXY)
Công thức bánh xe / Wheel formular		4 x 2	4 x 2	4 x 2	4 x 2
Thông số về kích thước / Dimensions					
Kích thước tổng thể (D x R x C) Overall (L x W x H)	mm	5490 x 1970 x 2850	5490 x 1970 x 2850	6240 x 1970 x 2850	6240 x 1970 x 2850
Kích thước bao thùng hàng (D x R x C) Body's external dimension (L x W x H)	mm	3700 x 1950 x 1950	3700 x 1950 x 1950	4450 x 1950 x 1950	4450 x 1950 x 1950
Kích thước trong thùng hàng (D x R x C) Body's internal dimension (L x W x H)	mm	3520 x 1810 x 1780	3520 x 1810 x 1780	4270 x 1810 x 1780	4270 x 1810 x 1780
Chiều dài cơ sở / Wheel base	mm	2765	2765	3360	3360
Vết bánh xe (Trước / Sau) Wheel track (Front/ Rear)	mm	1398 / 1425	1398 / 1425	1398 / 1425	1398 / 1425
Chiều dài đầu xe / đuôi xe Overhang (Front/ Rear)	mm	1095 / 1630	1095 / 1630	1095 / 1785	1095 / 1785
Chiều rộng cabin / Cabin width	mm	1820	1820	1820	1820
Thông số về khối lượng / Weight					
Khối lượng bản thân / Curb weight	Kg	2545 (2610)	2645 (2655)	2815 (2805)	2905 (2895)
Khối lượng chuyên chở theo thiết kế Payload	Kg	2250 (1495)	2150 (1450)	2490 (1990)	2400 (1900)
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế Max gross vehicle weight	Kg	4990 (4300)	4990 (4300)	5500 (4990)	5500 (4990)
Số người cho phép chở kể cả lái xe Seating capacity including driver		3	3	3	3
Bánh xe và lốp / Wheels and tyres					
+ Trục 1 (Bánh đơn) +First axle (quantity:2)		7.00 - 15	7.00 - 15	7.00 - 15	7.00 - 15
+ Trục 2 (Bánh kép) +Second axle (quantity:4)		7.00 - 15	7.00 - 15	7.00 - 15	7.00 - 15
Thiết bị điện / Electric equipment					
Áp định mức: 12V Out put: 12V		Ắc quy / Batteries: 12V - 80Ah - 1 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 80Ah - 1 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 80Ah - 1 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 80Ah - 1 bình
Máy phát Alternator		14V - 60A (Option: 14V - 90A)	14V - 60A (Option: 14V - 90A)	14V - 60A (Option: 14V - 90A)	14V - 60A (Option: 14V - 90A)
Thiết bị chuyên dùng / Special equipment					
Hệ thống lạnh Refrigerated Unit		-	-	-	-
Trang bị khác Other equipment		-	Máy Oxy (RV70 + ZLE-50LA) Roots blower systems	-	Máy Oxy (RV70 + ZLE-50LA) Roots blower systems

Lưu ý / Note: Các thông số kỹ thuật trên có thể thay đổi mà không cần báo trước / Product specifications can be changed at any time without previous notice.

CẤU TẠO CÁC LỚP PANEL / STRUCTURE OF SANDWICH PANEL



Độ Dày / Thickness Panel (mm)	Sàn phẳng / Flat floor 1.5T ~ 2.5T	Sàn sóng / corrugated 1.5T ~ 2.5T
Panel sàn Floor panel	80	90
Panel vách trước Front panel	63	63
Panel vách hông Two side wall panels	63	63
Panel nóc Roof panel	78	78
Panel cửa sau Rear door panels	63	63

CÔNG TY TNHH SX-TM-DV Ô TÔ QUYỀN

* Nhà máy Tây Ninh: Số 550, ấp 4, xã Lương Hòa, tỉnh Tây Ninh

* CN Cam Ranh: Thôn Cây Xoài, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

* Tel: (0272) 3769 020 - (0272) 3769 022

* Fax: (0272) 3769 023

* Phòng kinh doanh:

Hotline: 090.810.9929 - 090.393.0444

Email: kd01@quyenauto.com

* Tư vấn kỹ thuật:

Hotline: 090.800.9030 - 093.890.9317

Email: technical@quyenauto.com

